

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2024

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình:
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức và bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nhiên E, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số A N, khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang; Số điện thoại: 0974430440.

Bị đơn: Anh Chung Minh C, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số C T, khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang; Số điện thoại: 0963939881.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Nhiên E có mặt, anh Chung Minh C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị Nhiên E trình bày: Chị và anh Chung Minh C do tự tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung tên Chung Minh T, sinh ngày 27/01/2010 và Chung Thị Bảo N, sinh ngày 07/6/2021. Tuy nhiên đến tháng 8/2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C không lo cho gia đình, có quan hệ tình cảm với người khác. Mặc dù, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng đến nay anh C vẫn không thay đổi. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị Nhiên E** yêu cầu được ly hôn anh **Chung Minh C**;

Về con chung: Có hai con chung tên **Chung Thị Bảo N**, sinh ngày 07/6/2021 hiện đang sống cùng chị **Nhiên E** và **Chung Minh T**, sinh ngày 27/01/2010 hiện đang sống cùng anh **C**. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu **N**, chị đồng ý giao cháu **T** cho anh **C** nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng và cũng không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Theo Biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh **Chung Minh C** trình bày:*

Về quá trình hôn nhân anh thống nhất với trình bày của chị **Phạm Thị Nhiên E**. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Nhiên E** thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh **Chung Minh C** đồng ý ly hôn chị **Phạm Thị Nhiên E**;

Về con chung: Có hai con chung tên **Chung Thị Bảo N**, sinh ngày 07/6/2021 hiện đang sống cùng chị **Nhiên E** và **Chung Minh T**, sinh ngày 27/01/2010 hiện đang sống cùng anh **C**. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu **T**, anh đồng ý giao cháu **N** cho chị **Nhiên E** nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng và cũng không yêu cầu chị **Nhiên E** cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị **Phạm Thị Nhiên E** trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh **Chung Minh C**; chị yêu cầu được nuôi cháu **Chung Thị Bảo N**, chị đồng ý giao cháu **Chung Minh T** cho anh **C1 Minh C** nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng và cũng không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Chung Minh C** vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Nhiên E**

Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị Nhiên E** được ly hôn với anh **Chung Minh C**.

Về con chung: Giao cháu **Chung Thị Bảo N**, sinh ngày 07/6/2021 cho chị **Phạm Thị Nhiên E** nuôi dưỡng; Giao cháu **Chung Minh T**, sinh ngày 27/01/2010 cho anh **Chung Minh C** nuôi dưỡng; chị **Phạm Thị Nhiên E** và anh **Chung Minh C** không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị **Phạm Thị Nhiên E** và anh **Chung Minh C** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số **20/KH** do Ủy ban nhân dân thị trấn **N**, huyện **T**, tỉnh **An Giang** cấp ngày **05** tháng **02** năm **2010**). Anh **Chung Minh C** có địa chỉ thường trú tại: **Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị **Phạm Thị Nhiên E** khởi kiện yêu cầu ly hôn anh **Chung Minh C**; yêu cầu được nuôi con chung là cháu **Chung Thị Bảo N**, sinh ngày 07/6/2021 đồng thời giao cháu **Chung Minh T**, sinh ngày 27/01/2010 cho anh **C1 Minh C** nuôi dưỡng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, chị **Phạm Thị Nhiên E** có mặt, anh **Chung Minh C** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Xét việc tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị Nhiên E** và anh **Chung Minh C** xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày **05/02/2010** tại Ủy ban nhân dân thị trấn **N**, huyện **T**, tỉnh **An Giang** theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị **Phạm Thị Nhiên E** cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh **Chung Minh C** không lo cho gia đình, có quan hệ tình cảm với người khác. Mặc dù, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng đến nay anh **C** vẫn không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án, anh **C** cho rằng mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị **Nhiên E** yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị xuất phát từ việc anh **Chung Minh C** không lo cho gia đình, có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên cự cãi, đồng thời anh **C** cũng đồng ý ly hôn với chị **Nhiên E** cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị **Phạm Thị Nhiên E** được ly hôn với anh **Chung Minh C**.

[3.2] Về con chung: Chị **Phạm Thị Nhiên E** và anh **Chung Minh C** thống nhất có hai con chung tên **Chung Thị Bảo N**, sinh ngày 07/6/2021 hiện đang sống cùng chị **Nhiên E** và **Chung Minh T**, sinh ngày 27/01/2010 hiện đang sống cùng anh **C**. Quá trình giải quyết vụ án cháu **T** có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng với chị **Nhiên E** hoặc ông bà nội. Anh **C** yêu cầu được nuôi cháu **T**, đồng ý giao cháu **N** cho chị **Nhiên E** nuôi dưỡng. Chị **Nhiên E** yêu cầu được nuôi cháu **N**, đồng ý giao cháu **T** cho anh **C** nuôi dưỡng.

Xét thấy, việc giao cháu **N** cho chị **Nhiên E** và giao cháu **T** cho anh **C** tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết để không làm ảnh hưởng cuộc sống của các cháu.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao cháu **Chung Thị Bảo N**, sinh ngày 07/6/2021 cho chị **Phạm Thị Nhiên E** nuôi dưỡng; Giao cháu **Chung Minh T**, sinh ngày 27/01/2010 cho anh **Chung Minh C** nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng cho con:

Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị **Phạm Thị Nhiên E** vẫn không yêu cầu và anh **Chung Minh C** cũng không cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung:

Chị **Phạm Thị Nhiên E** và anh **Chung Minh C** thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung:

Chị **Phạm Thị Nhiên E** và anh **Chung Minh C** thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Như các phân tích nêu trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Nhiên E**.

1. *Về hôn nhân:* Chị **Phạm Thị Nhiên E** được ly hôn với anh **Chung Minh C**.

2. *Về con chung:* Giao cháu **Chung Thị Bảo N**, sinh ngày 07/6/2021 cho chị **Phạm Thị Nhiên E** chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu **Chung Minh T**, sinh ngày 27/01/2010 cho anh **C1 Minh C** chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Chung Minh C** và chị **Phạm Thị Nhiên E** không cấp dưỡng cho con.

Anh **Chung Minh C**, chị **Phạm Thị Nhiên E** và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị **Phạm Thị Nhiên E**, anh **Chung Minh C**. Chị **Phạm Thị Nhiên E**, anh **Chung Minh C** và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh **Chung Minh C**, chị **Phạm Thị Nhiên E** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể

thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận **chị Phạm Thị Nhiên E** và **anh Chung Minh C** xác định không có nợ chung. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì **chị Phạm Thị Nhiên E** và **anh Chung Minh C** phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị **Phạm Thị Nhiên E** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) **đồng** án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0013301** ngày **06** tháng **11** năm **2023** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Chị **Phạm Thị Nhiên E** đã nộp đủ. Anh **Chung Minh C** không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Trí Nguyên